TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/DS-PT
Ngày 18-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 477/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2023/DS – ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4391/2023/QĐ – PT ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: số nhà E, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ: số nhà B, ấp M, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà A, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan: Anh Lê Quang P, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: thôn G, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Lê Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Huỳnh Văn L trình bày:

Vào tháng 07/2022, anh có thỏa thuận bằng lời nói bán thức ăn chăn nuôi gà cho bà Lê Thị T theo hình thức bao vụ, khi gà xuất chuồng phải trả tiền, nếu không trả đủ tiền thì nợ cộng dồn vào vụ sau sẽ trả tiếp. Một vụ nuôi gà thời gian tối đa 03 – 04 tháng, anh và bà T đã mua bán thức ăn được 03 vụ nuôi gà. Cụ thể:

Bầy gà số 1 từ ngày 13/7/2022 đến ngày 24/9/2022, bà T đã thanh toán đủ.

Bầy gà số 2 từ ngày 06/8/2022 đến ngày 05/12/2022, bà T chưa thanh toán còn nợ anh 114.000.000 đồng. Bà T có ký tên vào biên nhận nợ ngày 10/12/2022.

Bầy gà số 3 từ ngày 06/8/2022 đến ngày 12/12/2022, bà T chưa thanh toán, bà có ký tên vào giấy nợ ngày 13/12/2022 xác nhận còn nợ 103.200.000 đồng.

Tổng cộng bà T còn nợ anh số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 217.200.000 đồng. Anh không có mua bán thức ăn chăn nuôi gà với anh Lê Quang P, anh chỉ giao dịch với bà T. Quá trình mua bán, anh đã giao thức ăn chăn nuôi gà đến nhà bà T, tại sổ theo dõi việc giao nhận hàng thì bà T là người ký nhận thức ăn khi nhân viên của anh giao. Trong sổ có một vài lần anh P ký nhận, khi thấy chữ ký lạ anh có hỏi nhân viên thì được biết có vài lần giao hàng bà T không có mặt ở nhà nên nhân viên nhờ người có mặt ký nhận thay bà T. Anh có quen biết anh P do đã gặp vài lần tại nhà bà T, anh không biết giữa bà T và anh P có thỏa thuận chăn nuôi gà không. Việc bà T và anh P cho rằng bà T ký tên xác nhận số tiền nợ của bầy gà số 2 và bầy gà số 3 chỉ là xác nhận nợ thay anh P là không đúng. Anh không đồng ý để anh P trả thay bà T số tiền còn nợ.

Anh chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả cho anh số tiền nợ 217.200.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án (ngày 03/4/2023) đến ngày 03/9/2023 với mức lãi suất 0.83%/tháng là 9.013.800 đồng, tổng số tiền bà T phải trả là 226.213.800 đồng. Anh rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 6.300.000 đồng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/3/2023.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Khoảng năm 2022, cháu ruột của bà là anh Lê Quang P có mượn địa điểm tại nhà của bà để chăn nuôi gà, tổng cộng 03 vụ. Anh Huỳnh Văn L và anh P trực tiếp thỏa thuận việc mua bán thức ăn chăn nuôi gà, bà không tham gia. Quá trình anh P nuôi gà tại nhà bà thì anh có thuê bà phụ giúp việc chăn nuôi. Do anh P thường xuyên không có mặt tại địa điểm nuôi gà nên phần lớn bà là người nhận thức ăn anh

L giao và ký nhận vào sổ của anh L, có một vài lần anh P ký nhận. Vụ thứ nhất, anh P đã thanh toán xong tiền cho anh L, vụ thứ 02 và vụ thứ 03 thì anh P chưa trả tiền thức ăn. Anh L nhiều lần đến nhà bà yêu cầu trả tiền nợ nhưng không gặp anh P, anh L yêu cầu bà ký vào 02 tờ biên nhận nhằm xác nhận anh L có bán thức ăn chăn nuôi gà cho anh P nên bà đã ký tên, 02 tờ giấy này anh L đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Sau khi bà ký 02 tờ biên nhận nêu trên thì anh L có gặp mẹ của anh P và anh P để yêu cầu trả nợ, do phía anh P không trả tiền nên anh L sử dụng 02 tờ giấy bà ký tên để khởi kiện yêu cầu bà trả nợ.

Bà thừa nhận bà biết chữ, khi ký tên vào 02 biên nhận nợ anh L ghi sẵn nội dung thì bà không bị đe dọa, không bị ép buộc nhưng việc bà ký tên để xác nhận số tiền anh P nợ anh L, lúc đó bà xem chưa kỹ nội dung. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh L vì bà không mua thức ăn chăn nuôi gà của anh L, bà chỉ làm thuê cho anh P, anh P là người có nghĩa vụ trả tiền cho anh L.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quang P trình bày:

Anh là cháu ruột của bà Lê Thị T và đã mượn địa điểm nhà bà T để chăn nuôi gà thịt. Vào tháng 7/2022, anh là người trực tiếp thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi gà với anh L theo hình thức bao vụ khi nào xuất chuồng thì trả tiền. Vụ gà thứ nhất anh đã trả đủ tiền, vụ gà thứ 2 và thứ 3 anh còn nợ anh L 217.200.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi vụ gà thứ 2 và thứ 3 thì anh L ngưng không giao thức ăn, anh có đề nghị anh L cho anh trả dần tiền nợ nhưng anh L không đồng ý. Khi giao dịch, anh và anh L chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Quá trình chăn nuôi anh có nhờ bà T phụ giúp nên khi anh L giao thức ăn thì bà T ký nhận, khi chốt sổ tiền nợ thức ăn bà T có ký nhận thay anh. Số tiền anh L khởi kiện bà T là tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi gà anh chưa trả cho anh L. Do đó, anh là người có nghĩa vụ trả tiền cho anh L, bà T không liên quan đến số tiền nợ này, anh đề nghị cho anh trả thay bà T số tiền 217.200.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 128/2023/DS–ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn L đối với bị đơn bà Lê Thị T về số tiền lãi 6.300.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn L. Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 226.213.800 đồng, gồm nợ gốc 217.200.000 đồng và 9.013.800 đồng tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/9/2023, bị đơn bà Lê Thị T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không buộc bà trả nợ cho nguyên đơn bởi vì anh Lê Quang P đã thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyên đơn anh L căn cứ vào các giấy viết tay đề ngày 10/12/2022, ngày 13/12/2022 và "sổ thức ăn cô T" yêu cầu bị đơn trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi gà còn nợ là 217.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 03/4/2023 đến ngày 03/9/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 9.013.800 đồng.

[2] Theo nội dung "sổ thức ăn Cô T" và 02 biên nhận nợ ngày 10/12/2022, ngày 13/12/2022 thể hiện: địa điểm giao nhận thức ăn chăn nuôi là nhà bà T, bà T còn nợ nguyên đơn số tiền mua thức ăn của bầy gà số 2 và số 3 là 217.200.000 đồng. Bị đơn bà T thừa nhận những chữ ký "thủy" trong "sổ thức ăn cô T" và chữ ký tại giấy xác nhận nợ là của bà. Nhưng cho rằng giữa bà và nguyên đơn không có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi, anh Lê Quang P là người trực tiếp thỏa thuận mua bán với nguyên đơn; do anh P mượn địa điểm nhà của bà để chăn nuôi gà và có thuê bà phụ giúp nên khi nguyên đơn giao thức ăn thì bà có ký nhận hàng. Việc bà ký tên vào các giấy xác nhận nợ nguyên đơn cung cấp là ký thay anh P xác nhận nợ nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tuy nhiên, bà T thừa nhận bà hoàn toàn minh mẫn, không bị cưỡng ép hay bị đe dọa khi ký xác nhận nợ vào 02 biên nhận do anh L ghi sẵn nội dung. Mặt khác, bà T và anh P đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh P là người xác lập giao dịch mua bán với nguyên đơn, bà T chỉ ký nhận nợ thay anh P. Nguyên đơn không thừa nhận việc này và xác định bà T là người giao dịch với

nguyên đơn.

Ngoài ra, đối với bản sao kê chuyển tiền do anh P cung cấp thể hiện anh P nhiều lần chuyển tiền cho anh L nhưng không thể hiện nội dung, mục đích chuyển tiền nên không có cơ sở để xác định anh P và anh L có thoả thuận mua bán thức ăn chăn nuôi gà và số tiền anh L yêu cầu bà T thanh toán là khoản nợ của anh P.

Do đó, có căn cứ xác định giữa bà T và anh L có giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi gà từ tháng 07/2022 và bà T còn nợ anh L số tiền mua thức ăn bầy gà số 02 và bầy gà số 03 là 217.200.000 đồng. Việc mua bán của hai bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi hai bên kết thúc việc mua bán, bà T chưa thanh toán cho anh L số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Anh P và bà T có yêu cầu anh P sẽ thay bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên bà T không thể chuyển giao nghĩa vụ cho anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật Dân sự.

Theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả"*, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ và tiền lãi tính từ ngày Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án đến ngày 03/9/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ.

Như đã nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 128/2023/DS–ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 370, 430, 433, 440, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn L đối với bị đơn bà Lê Thị T về số tiền lãi 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn L. Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 226.213.800 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn tám trăm đồng), gồm nợ gốc 217.200.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng) và tiền lãi 9.013.800 đồng (chín triệu không trăm mười ba nghìn tám trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị T phải chịu 11.310.690 đồng (mười một triệu ba trăm mười nghìn sáu trăm chín mươi đồng).

Hoàn trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.587.500 đồng (năm triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0001977 ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007056 ngày 27/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi Cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng KTNV và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Huỳnh Ngọc Dũng